

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYỀN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 29/2013/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 30 tháng 11 năm 2013



QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành mức thu thủy lợi phí, tiền nước
và công tác quản lý, sử dụng nguồn kinh phí thủy lợi phí áp dụng
trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYỀN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi ngày 04 tháng 4 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10/9/2012 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 41/2013/TT-BTC ngày 11/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10/9/2012 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 11/2009/TT-BTC ngày 21/01/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn đặt hàng, giao kế hoạch đối với các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi và quy chế quản lý tài chính của Công ty nhà nước làm nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi;

Căn cứ Quyết định số 397/QĐ-UBND ngày 31/10/2011 của UBND tỉnh về việc kiện toàn Ban Quản lý khai thác công trình thủy lợi Tuyên Quang;

Căn cứ văn bản số 102/TB-UBND ngày 26/10/2013, Thông báo kết luận của Ủy ban nhân dân tỉnh tại kỳ họp tháng 10 năm 2013;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 475/TTr-STC ngày 07/10/2013 về việc đề nghị ban hành quy định mức thu thủy lợi phí, tiền nước và công tác quản lý, sử dụng nguồn kinh phí thủy lợi phí trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định mức thu thủy lợi phí, tiền nước và công tác quản lý, sử dụng nguồn kinh phí thủy lợi phí, tiền nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2013 và được áp dụng từ năm 2013; Quyết định này thay thế Quyết định số 44/2006/QĐ-UBND ngày 18/8/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang quy định về mức thu, công tác quản lý sử dụng thu thủy lợi phí, tiền nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Quyết định số 06/2008/QĐ-UBND ngày 08/7/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 44/2006/QĐ-UBND ngày 18/8/2006.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Tuyên Quang; Giám đốc Ban Quản lý khai thác công trình thủy lợi Tuyên Quang; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, Chủ nhiệm Hợp tác xã Nông lâm nghiệp, Trưởng Ban quản lý công trình thủy lợi xã, liên xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Bộ Tài chính;
- Bộ NN và PTNT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Phó CVP (NLN) UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, TC, NN. (Hoa TC-45)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Ngọc Thực

QUY ĐỊNH

**Mức thu thủy lợi phí, tiền nước và công tác quản lý,
sử dụng nguồn kinh phí thủy lợi phí trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 29/2013/QĐ-UBND ngày 30/11/2013 của
UBND tỉnh Tuyên Quang)

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về mức thu thủy lợi phí, tiền nước và công tác quản lý, sử dụng nguồn kinh phí nhà nước cấp bù thủy lợi phí trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10/9/2012 của Chính phủ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, đơn vị, cá nhân được hưởng lợi, sử dụng nguồn nước từ các công trình thủy lợi và các đơn vị được giao quản lý, khai thác và bảo vệ các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang bao gồm: Ban Quản lý khai thác công trình thủy lợi Tuyên Quang được kiện toàn theo Quyết định số 397/QĐ-UBND ngày 31/10/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh; các Ban Quản lý công trình thủy lợi liên xã, xã, Hợp tác xã Nông lâm nghiệp (sau đây gọi chung là đơn vị quản lý thủy nông) và các cơ quan có liên quan đến công tác quản lý sử dụng nguồn thu thủy lợi phí trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý

1. Quy định thu thủy lợi phí được áp dụng cho tất cả các công trình thủy lợi được xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang do đơn vị quản lý thủy nông quản lý, không phân biệt công trình Nhà nước hay công trình nhân dân tự đóng góp. Tổ chức, đơn vị, cá nhân dùng nước (gọi chung là Hộ dùng nước) được hưởng lợi hoặc làm dịch vụ từ công trình thủy lợi có nghĩa vụ nộp thủy lợi phí theo mức thu quy định cho đơn vị quản lý thủy nông quản lý trực tiếp công trình thủy lợi.

2. Việc sử dụng nguồn thu thủy lợi phí, tiền nước và sử dụng kinh phí thủy lợi phí nhà nước cấp bù phải đúng mục đích, hiệu quả đảm bảo chi thường xuyên cho công tác quản lý, vận hành, duy tu, sửa chữa, bảo vệ công trình thủy lợi, nội đồng.

3. Việc cấp bù thủy lợi phí đối với Ban Quản lý khai thác công trình thủy lợi tỉnh được thực hiện theo phương thức nhà nước giao dự toán hàng năm. Đơn vị quản lý thủy nông sử dụng nguồn ngân sách nhà nước cấp bù thủy lợi có trách nhiệm thanh quyết toán kinh phí được cấp theo đúng quy định hiện hành của nhà nước.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Mức thu thủy lợi phí, tiền nước

1. Mức thu thủy lợi phí, tiền nước hoặc làm dịch vụ từ công trình thủy lợi và mức miễn thủy lợi phí thực hiện theo quy định tại Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10/9/2012 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi và Quy định cụ thể của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Quyết định này.

2. Mức thu thủy lợi phí, tiền nước nội đồng do Hợp tác xã, tổ dùng nước quyết định nhưng tối đa không quá 20% mức miễn thủy lợi phí thực hiện theo quy định tại điểm a, b Khoản 1, Điều 1 Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10/9/2012 của Chính phủ.

3. Mức thu tiền nước đối với các tổ chức, cá nhân sử dụng nước hoặc làm dịch vụ từ công trình thủy lợi để phục vụ cho các mục đích không phải sản xuất lương thực:

a) Nuôi trồng thủy sản tại công trình hồ chứa thủy lợi, mức thu tiền nước: 5% giá trị sản lượng.

b) Nuôi cá lồng, bè tại công trình hồ chứa thủy lợi, mức thu tiền nước: 6% giá trị sản lượng.

c) Sử dụng nước từ công trình thủy lợi để phát điện: 10% giá trị sản lượng điện thương phẩm.

d) Sử dụng công trình thủy lợi để kinh doanh du lịch, nghỉ mát, an dưỡng, giải trí (kể cả kinh doanh sân golf, casino, nhà hàng): 10% tổng doanh thu.

Điều 5. Nguồn kinh phí hoạt động của các đơn vị thủy nông

1. Đối với Ban Quản lý khai thác công trình thủy lợi Tuyên Quang nguồn kinh phí hoạt động được hình thành:

a) Nguồn kinh phí cấp bù thủy lợi phí của công trình thủy lợi Ngòi Là và công trình thủy lợi Hoàng Khai;

b) Nguồn trích từ nguồn cấp bù thủy lợi phí của các công trình còn lại;

c) Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Đối với các Ban Quản lý công trình thủy lợi liên xã, xã, Hợp tác xã Nông lâm nghiệp nguồn kinh phí hoạt động được hình thành:

a) Nguồn ngân sách cấp bù thủy lợi phí cho các công trình thủy lợi do Ban trực tiếp quản lý;

b) Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Quy định về quản lý, sử dụng nguồn kinh phí nhà nước cấp bù thủy lợi phí và các nguồn thu hợp pháp khác (sau đây là nguồn thu kinh phí thủy lợi phí)

1. Đối với Ban Quản lý khai thác công trình thủy lợi Tuyên Quang

a) Chỉ cho công tác quản lý điều hành

- Trích tối đa 30% từ nguồn cấp bù thủy lợi phí của 2 công trình Hoàng Khai và Ngòi Là:

- Trích tối đa 7% tổng nguồn kinh phí nhà nước cấp bù thủy lợi phí của các công trình còn lại.

b) Chỉ cho công tác duy tu, sửa chữa thường xuyên công trình Ngòi Là, Hoàng Khai (phát dọn, nạo vét kênh mương, bảo dưỡng, sửa chữa nhỏ công trình) tối đa 40% tổng kinh phí cấp bù thủy lợi phí của công trình thủy lợi Ngòi Là, Hoàng Khai.

c) Trích tối thiểu 30% tổng kinh phí cấp bù thủy lợi phí của 2 công trình Hoàng Khai, Ngòi Là và các công trình khác còn lại để chỉ cho công tác sửa chữa lớn các công trình thủy lợi thiết yếu cấp bách khác trên địa bàn tỉnh.

2. Đối với Ban quản lý công trình thủy lợi liên xã, xã, Hợp tác xã nông lâm nghiệp:

a) Chi phí quản lý, điều hành: Mức tối đa: 37% tổng số kinh phí thủy lợi phí (7% chỉ cho Ban quản lý khai thác công trình thủy lợi tỉnh Tuyên Quang, còn lại 30% chỉ của các công trình do Ban trực tiếp quản lý).

b) Chỉ cho công tác duy tu, sửa chữa thường xuyên công trình (phát dọn, nạo vét kênh mương, bảo dưỡng, sửa chữa nhỏ công trình) tối thiểu: 33% tổng số thu thủy lợi phí, tiền nước của các công trình thủy lợi do Ban trực tiếp quản lý.

Điều 7. Cấp phát, quản lý và thanh quyết toán nguồn kinh phí thủy lợi phí, tiền nước

1. Việc lập kế hoạch, lập dự toán, cấp phát, thanh quyết toán khoản kinh phí cấp bù thủy lợi phí thực hiện theo Thông tư số 41/2013/TT-BTC ngày 11/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10/9/2012 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; Thông tư số 11/2009/TT-BTC ngày 21/01/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn đặt hàng, giao kế hoạch đối với các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi và Quy chế quản lý tài chính của công ty nhà nước làm nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi.

2. Hàng năm (vào tháng 6 của năm) Ban quản lý công trình thủy lợi liên xã, xã, hợp tác xã căn cứ vào thực tế tưới tiêu, cấp nước năm trước và kế hoạch tưới tiêu, cấp nước năm nay lập dự toán gửi Ban quản lý khai thác công trình thủy lợi tỉnh Tuyên Quang để rà soát, thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp huyện trước khi tổng hợp trên địa bàn tỉnh gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra xem xét, Sở Tài chính tổng hợp dự toán báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Bộ Tài chính.

Vào quý III hàng năm Ban quản lý công trình thủy lợi liên xã, xã, hợp tác xã căn cứ vào thực tế tưới tiêu, cấp nước năm trước và kế hoạch tưới tiêu, cấp nước năm nay lập kế hoạch gửi Ban quản lý khai thác công trình thủy lợi tỉnh Tuyên Quang tổng hợp trên địa bàn tỉnh gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra, thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt diện tích, căn cứ diện tích được miễn giảm và biện pháp tưới tiêu, mức thu thủy lợi phí, tiền nước Ban quản lý khai thác công trình thủy lợi tỉnh Tuyên Quang lập dự toán gửi Sở Tài chính kiểm tra, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kinh phí.

3. Căn cứ diện tích, kinh phí được phê duyệt Ban quản lý khai thác công trình thủy lợi tỉnh Tuyên Quang cấp kinh phí cho các Ban quản lý công trình thủy lợi liên xã, xã, hợp tác xã Nông lâm nghiệp trên cơ sở hợp đồng tưới tiêu với Ban quản lý công trình thủy lợi liên xã, xã, hợp tác xã Nông lâm nghiệp.

4. Hình thức cấp phát: Sở Tài chính cấp phát cho Ban Quản lý khai thác công trình thủy lợi Tuyên Quang theo quy định tại Điều 15 Chương V của Thông tư số 41/2013/TT-BTC ngày 11/4/2013 của Bộ Tài chính, Ban quản lý khai thác công trình thủy lợi tỉnh Tuyên Quang cấp phát bằng hình thức uỷ nhiệm chi cho các Ban quản lý công trình thủy lợi liên xã, xã, Hợp tác xã Nông lâm nghiệp.

5. Ban quản lý khai thác công trình thủy lợi Tuyên Quang phải mở tài khoản tiền gửi tại Kho bạc nhà nước Tuyên Quang; các Ban quản lý công trình thủy lợi liên xã, xã, hợp tác xã Nông lâm nghiệp phải mở tài khoản tại Kho bạc nhà nước hoặc Ngân hàng nông nghiệp các huyện, thành phố để quản lý nguồn kinh phí thủy lợi phí theo quy định của nhà nước.

6. Chế độ kế toán và báo cáo quyết toán:

a) Chế độ kế toán: Ban quản lý khai thác công trình thủy lợi Tuyên Quang và các Ban quản lý công trình thủy lợi liên xã áp dụng chế độ kế toán ban hành theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ Tài chính. Ban quản lý công trình thủy lợi xã, hợp tác xã Nông lâm nghiệp áp dụng chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 24/2010/TT-BTC ngày 23/02/2010 của Bộ Tài chính.

b) Báo cáo quyết toán: Các đơn vị thủy nông phải lập báo cáo quyết toán theo quy định của Bộ Tài chính, ngoài ra còn phải lập báo cáo sau đây:

- Kết thúc vụ sản xuất sau 01 tháng các Ban quản lý công trình thủy lợi liên xã, xã, Hợp tác xã Nông lâm nghiệp phải báo cáo Ban quản lý khai thác công trình thủy lợi Tuyên Quang, tình hình thực hiện diện tích tưới tiêu trên địa bàn gửi Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Sở Tài chính thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt quyết toán diện tích.

- Trước ngày 30 tháng 01 năm sau các Ban quản lý công trình thủy lợi liên xã, xã, Hợp tác xã Nông lâm nghiệp phải lập báo cáo gửi Ban quản lý khai thác công trình thủy lợi Tuyên Quang. Ban quản lý khai thác công trình thủy lợi Tuyên Quang có trách nhiệm thẩm định, xét duyệt tổng hợp gửi Sở Tài chính kiểm tra, thẩm định, tổng hợp vào báo cáo quyết toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê chuẩn.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8: Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Kiểm tra, hướng dẫn công tác quản lý thu, chi và thanh toán, quyết toán thủy lợi phí, tiền nước theo đúng Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan xây dựng Quy chế

phối hợp giữa Ban Quản lý khai thác công trình thủy lợi tỉnh với các huyện, thành phố, các xã, phường, thị trấn trong quản lý, sử dụng nguồn kinh phí cấp bù miễn thu thủy lợi phí

- Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác quản lý khai thác công trình thủy lợi có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra Ban Quản lý khai thác công trình thủy lợi Tuyên Quang về chuyên môn, nghiệp vụ để thực hiện nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh theo đúng Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, các quy định hiện hành của nhà nước.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với công tác quản lý khai thác công trình thủy lợi theo quy định; tham gia kiểm tra, giám sát, chỉ đạo các đơn vị quản lý thủy nông trên địa bàn thực hiện tốt việc quản lý, khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi bảo đảm phục vụ sản xuất theo kế hoạch.

4. Ủy ban nhân dân các xã có trách nhiệm kiểm tra, giám sát, đôn đốc, chỉ đạo các đơn vị quản lý thủy nông trên địa bàn xã thực hiện tốt việc quản lý, khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi đúng pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình thủy lợi phục vụ sản xuất; giám sát việc quản lý thu, chi thủy lợi phí, tiền nước đúng quy định tiết kiệm có hiệu quả.

5. Ban Quản lý khai thác công trình thủy lợi Tuyên Quang, các Ban Quản lý khai thác công trình thủy lợi liên xã, xã, Hợp tác xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện việc quản lý, khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi có hiệu quả và thực hiện thu, chi thủy lợi phí, tiền nước theo quy định tại Quyết định này và các quy định khác có liên quan.

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản về Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để hướng dẫn bổ sung kịp thời; nếu vượt thẩm quyền liên cơ quan Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Ngọc Thực